

Bản án số: 72/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ Sơn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Dứt;

2. Ông Trần Thanh Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 473/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Ngọc T, sinh năm 1987; địa chỉ: số nhà E, ấp T, xã T, tỉnh Sóc Trăng; có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công T1, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp M, xã N, tỉnh An Giang (địa chỉ trước đây ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hà Thị Ngọc T trình bày, sau thời gian tự tìm hiểu, quen biết bà và ông T1 được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2013, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn sống không tình cảm, bất đồng quan

điểm, ông T1 không quan tâm đến vợ con, bà có khuyên nhưng ông T1 ông sửa đổi. Nay nhận thấy tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hà Ngọc Thiên N, sinh ngày 29/5/2014 hiện nay cháu N đang sống chung với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, bà T không yêu cầu ông T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Hà Thị Ngọc T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Hà Thị Ngọc T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Công T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Căn cước công dân, giấy khai sinh cháu Nguyễn Hà Ngọc Thiên N (bản sao), Giấy chứng nhận kết hôn số 122/2013 ngày 15.8.2013 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến gì khác.

- Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có văn bản xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Bà Hà Thị Ngọc T và ông Nguyễn Công T1 do quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L,

tỉnh Sóc Trăng năm 2013. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm mặc dù đã cố gắng hàn hãn nhưng không được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1.

Phía ông T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong gia đình, cả hai không tôn trọng nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Từ khi bà T yêu cầu ly hôn đến nay, phía ông T1 vắng mặt và không có ý kiến phản hồi. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hà Ngọc Thiên N, sinh ngày 14/7/2014 hiện đang sống cùng với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Xét thấy từ khi vợ chồng bà T ly thân với nhau đến nay cháu N sống cùng bà T vẫn phát triển bình thường và bà T yêu cầu tiếp tục chăm sóc. Do đó, để ổn định cuộc sống của cháu nên để bà T tiếp tục chăm sóc. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, bà T đã rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên cần đình chỉ theo Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những phân tích trên căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề xuất:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hà Thị Ngọc T và ông Nguyễn Công T1.

Bà Hà Thị Ngọc T chăm sóc con chung tên Nguyễn Hà Ngọc Thiên N, sinh ngày 29/5/2014. Ông T1 không phải cấp dưỡng con chung.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Hà Thị Ngọc T về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Hà Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Công T1 cư trú ấp M, xã N, tỉnh An Giang (địa chỉ trước đây ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang). Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Hà Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Công T1 được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Công T1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân:

Bà Hà Thị Ngọc T và ông Nguyễn Công T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông T1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà T với ông T2 thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông T1 không quan tâm đến vợ con, bà và ông T1 không còn sống chung từ cuối năm 2015 cho đến nay. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà T với ông T1 là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hà Thiên N1, sinh ngày 29/5/2014 hiện nay sống chung với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N1. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu N1 sống ổn định với bà T vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Trong quá trình làm việc Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của cháu N1 thì cháu N1 có nguyện vọng muốn sống chung với bà T, ông T1 cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu N1 cho bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp

nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hà Thị Ngọc T xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với ông T1, không yêu cầu ông T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N1. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hà Thị Ngọc T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Hà Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Công T1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Các Điều 144, 147, 217, 218, 227, 228, 235, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Ngọc T

1. Về hôn nhân: Bà Hà Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Công T1

2. Về con chung: Bà Hà Thị Ngọc T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Hà Thiên N1, sinh ngày 29/5/2014.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Hà Thị Ngọc T yêu cầu ông Nguyễn Công T1 cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Bà Hà Thị Ngọc T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Hà Thị Ngọc T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ghi nhận bà T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T, ông T1 trong thời kỳ hôn nhân thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Hà Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024654 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- An Giang) cấp ngày 22 tháng 5 năm 2025; bà Hà Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Công T1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7. Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 11- An Giang (2);
- Phòng THADS khu vực 11- An Giang (1);
- UBND xã Nhơn Mỹ, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Châu Vũ Sơn